

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **108** /QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày **24** tháng **01** năm **2011**

QUYẾT ĐỊNH

Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011 (lần 1)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Căn cứ Quyết định số 09/2008/QĐ-BNN ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BNN-TC ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2010 (lần 1);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2011 (lần 1) cho:
Cục Thú y (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

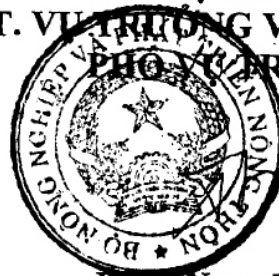
Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2011 được giao, Thủ trưởng đơn vị giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KBNN giao dịch;
- Lưu VT, TC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH**



Phan Ngọc Thuỷ



DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2010

Đơn vị: Cục Thú y

Mã số thuế giá trị gia tăng: 1053608 tại Kho bạc Nhà nước Đồng Đa

(Kèm theo Quyết định số 108 /QĐ-BNN-TC ngày 24 tháng 01 năm 2010
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

DVT: 1.000 đồng

Loại	Khoản	TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
		I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ		
		1	Số thu phí, lệ phí	56.000.000	
			Loại 460 - 463	3.000.000	
			Loại 010 - 015	53.000.000	
		2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	50.400.000	
			Loại 460 - 463	2.700.000	
			Loại 010 - 015	47.700.000	
		3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	5.600.000	
			Loại 460 - 463	300.000	
			Loại 010 - 015	5.300.000	
		II	DỰ TOÁN CHI NSNN	38.458.000	
460	463	1	Các hoạt động quản lý hành chính nhà nước	4.076.000	
		1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	3.876.000	
			Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	150.000	
			- Kinh phí trích nộp quỹ thi đua khen thưởng của Bộ		
		1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	200.000	Phụ lục số 01
010	015	2	Sự nghiệp kinh tế	33.080.000	
		2.2	Hoạt động thú y	33.080.000	
		2.3.1	Kinh phí thường xuyên	22.000.000	
			Trong đó: KP tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	114.000	
			- Kinh phí trích nộp quỹ thi đua khen thưởng của Bộ		
		2.3.2	Kinh phí không thường xuyên	11.080.000	Phụ lục số 01
370	371	3	Nghiên cứu khoa học	1.302.000	
		3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.302.000	
			- Trong đó: Kinh phí không khoán	1.302.000	

Phụ lục số 01
Đơn vị: Cục Thú y

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Tổng số
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ loại 460 - 463 (QLHCNN)	280.000
	Hội đồng quốc gia về cảnh báo môi trường dịch bệnh	200.000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ loại 010 - 015 (Hoạt động thú y)	11.080.000
	- Chỉ đạo, giám sát dịch bệnh ngành nông nghiệp	7.400.000
	- Kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm phân bón, thức ăn chăn nuôi rau, chè	1.000.000
	- Sự nghiệp thú y	2.200.000
	- Kinh phí Điều tra cơ bản	480.000
	+ Điều tra các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn toàn quốc	480.000